

Số: 201 /2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

Ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc giai đoạn 2015-2018

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 08 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Hiệp định Khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện giữa các nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (sau đây gọi là ASEAN) và nước Đại Hàn Dân Quốc (sau đây gọi là Hàn Quốc), ký ngày 13 tháng 12 năm 2005 tại Ma-lai-xi-a, được Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê chuẩn ngày 12 tháng 4 năm 2006;

Căn cứ Hiệp định Thương mại Hàng hóa thuộc Hiệp định Khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện ASEAN - Hàn Quốc, ký ngày 13 tháng 12 năm 2005 tại Ma-lai-xi-a và ngày 24 tháng 8 năm 2006 tại Cộng hòa Phi-lip-pin; được Chính phủ Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê duyệt ngày 30 tháng 10 năm 2006;

Căn cứ Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc, ký ngày 5 tháng 5 năm 2015 tại Việt Nam và được Chính phủ Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê duyệt tại Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2015;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2015 – 2018.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc giai đoạn 2015-2018 (thuế suất ưu đãi đặc biệt áp dụng sau đây gọi là thuế suất VKFTA).

1) Cột “Mã hàng” và cột “Tên gọi, mô tả hàng hóa” được xây dựng trên cơ sở Danh mục Biểu thuế quan hài hòa ASEAN 2012 (AHTN 2012) và phân loại theo cấp mã 8 số hoặc 10 số.

2) Cột “Thuế suất VKFTA (%)”: mức thuế suất áp dụng cho từng năm, được áp dụng từ ngày 20 tháng 12 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của các năm bắt đầu từ năm 2016 cho đến hết năm 2018.

3) Cột “GIC”: hàng hóa sản xuất tại Khu công nghiệp Khai Thành thuộc lãnh thổ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên áp dụng thuế suất VKFTA theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 2. Điều kiện để hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất VKFTA

Hàng hóa nhập khẩu để được áp dụng thuế suất thuế VKFTA phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1) Thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Thông tư này.

2) Được nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam.

3) Được vận chuyển trực tiếp từ Hàn Quốc vào Việt Nam theo quy định của Bộ Công Thương.

4) Đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc, có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá KV (viết tắt là C/O KV) theo quy định của Bộ Công Thương.

Điều 3. Hàng hóa từ khu phi thuế quan (kể cả hàng gia công) nhập khẩu vào thị trường trong nước để được áp dụng thuế suất VKFTA phải thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 2 Thông tư này và có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa VK (viết tắt là C/O VK) theo quy định của Bộ Công Thương.

Điều 4. Hàng hóa GIC

Hàng hóa sản xuất tại Khu công nghiệp Khai Thành thuộc lãnh thổ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên (hàng hóa GIC) tái nhập khẩu về Hàn Quốc rồi xuất khẩu sang Việt Nam để được áp dụng thuế suất VKFTA của Việt Nam phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1) Thuộc các mặt hàng có thể hiện ký hiệu “GIC” tại cột “GIC” của Biểu thuế này;

2) Được nhập khẩu và vận chuyển trực tiếp từ Hàn Quốc vào Việt Nam theo quy định của Bộ Công Thương;

3) Đáp ứng các quy định về quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa đặc biệt theo Điều khoản 3.5, Chương Quy tắc xuất xứ và Quy trình cấp xuất xứ thuộc

Liên hợp Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc, có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa KV (viết tắt là C/O KV) in dòng chữ “Article 3.5” tại ô số 8 do cơ quan Hải quan Hàn Quốc cấp theo quy định của Bộ Công Thương.

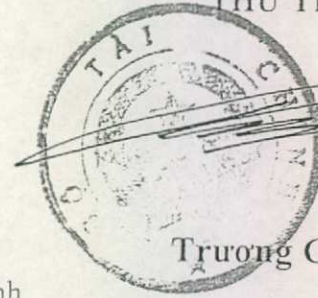
Điều 5. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2015. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính có hướng dẫn bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra Văn bản-Bộ Tư pháp;
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ HTQT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trương Chí Trung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 9/SY-UBND

Bắc Kạn, ngày 07 tháng 01 năm 2016

Nơi nhận:

- Cục thuế tỉnh Bắc Kạn; *Chi cục HT*;
- Lưu Thương.

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Anh Tuấn